

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CARBON - KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

PHẠM ANH THƯ

Trường Đại học Tài chính - Marketing

University of Finance - Marketing

Email: phamanhthu@ufm.edu.vn

Ngày nhận bài: 4/8/2026

Ngày sửa bài: 21/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 4/9/2026

Tóm tắt:

Trong bối cảnh Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) vào năm 2050, xây dựng thị trường carbon vận hành hiệu quả trở thành yêu cầu cấp thiết. Bài viết tổng hợp kinh nghiệm quốc tế từ 6 mô hình tiêu biểu, trên cơ sở đối chiếu kinh nghiệm quốc tế với điều kiện thực tiễn, nghiên cứu làm rõ một số vấn đề về khung pháp lý, cơ chế vận hành và tính minh bạch của thị trường carbon. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm pháp pháp nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả vận hành thị trường carbon tại Việt Nam theo hướng minh bạch, hiệu quả và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội.

Từ khóa: thị trường carbon, phát thải khí nhà kính, sàn giao dịch carbon

Carbon market development: International experience and recommendations for Vietnam

Abstract:

Against the backdrop of Vietnam's commitment to achieving net-zero emissions by 2050, establishing an effectively functioning carbon market has become an urgent requirement. This study synthesizes international experience from six representative carbon market models and compares these experiences with Vietnam's practical conditions to clarify key issues related to the legal framework, operating mechanisms, and market transparency. On this basis, the study proposes several solutions to improve relevant mechanisms and policies and enhance the effectiveness of Vietnam's carbon market in a transparent and efficient manner consistent with the country's socio-economic conditions.

Keywords: carbon market, greenhouse gas emissions, carbon exchange

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu hiện đang là thách thức toàn cầu, đặt áp lực ngày càng lớn lên các quốc gia phải khẩn trương có giải pháp ứng phó, trong đó cắt giảm khí thải nhà kính (KNK) là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu. Được đánh giá là quốc gia dễ bị tổn thương bởi biến đổi khí hậu, Việt Nam đã sớm nhận thức vấn đề và thể hiện cam kết trong tiến trình giảm phát thải kể từ khi gia nhập Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Dấu mốc quan trọng nhất là cam kết mạnh mẽ của Việt Nam tại COP26 về mục tiêu đạt Net Zero vào năm 2050. Để hiện thực hóa cam kết này, Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời, từng bước xây dựng và vận hành thị trường carbon nội địa với lộ trình thí điểm 2025-2028, vừa đi vào vận hành thí điểm tháng 6/2026 và dự kiến vận hành chính thức từ năm 2029.

Mặc dù đã có những bước tiến trong xây dựng và triển khai thị trường carbon, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình vận hành thực tế. Bên cạnh yêu cầu thực hiện các mục tiêu giảm phát thải, việc EU triển khai Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với một số ngành xuất khẩu của Việt Nam. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế có ý nghĩa trong việc xác định những bài học phù hợp cho quá trình phát triển thị trường carbon tại Việt Nam, hướng tới bảo đảm hiệu quả, minh bạch, đáp ứng các cam kết về môi trường, đồng thời hạn chế tác động bất lợi đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, bài viết nghiên cứu chủ đề “Phát triển thị trường carbon: Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam”.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tổng quan tài liệu có hệ thống dựa trên các báo cáo, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành và các công trình nghiên cứu học thuật trong và ngoài nước liên quan đến thị trường carbon. Tác giả sử dụng phương pháp so sánh và phân tích để đối chiếu mô hình thị trường carbon của các quốc gia điển hình, nhận diện các vấn đề trong quá trình triển khai; trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất phù hợp với bối cảnh kinh tế-xã hội tại Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển thị trường carbon

Tổng hợp về thị trường carbon của một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới được thể hiện qua Bảng 1:

Bảng 1. Thị trường carbon tại một số quốc gia điển hình

Thị trường/ Quốc gia	Cơ chế vận hành và phạm vi	Phương thức phân bổ hạn ngạch	Định danh pháp lý	Cơ chế bình ổn giá và Chế tài vi phạm	Bài học kinh nghiệm
Châu Âu (EU ETS) (2005)	- Nguyên tắc giới hạn tuyệt đối (absolute cap) và giao dịch (cap-and-trade) - Bao phủ ~45% lượng phát thải. Áp dụng cho điện, công nghiệp nặng, hàng không, hàng hải	Chuyển dần từ cấp phát miễn phí sang đấu giá Tổng trần phát thải giảm dần theo thời gian thông qua hệ số cắt giảm tuyến tính	Công cụ tài chính (cùng nhóm với chứng khoán)	- Cơ chế dự trữ ổn định thị trường (MSR) - Hủy hạn ngạch thặng dư vượt ngưỡng	- Định danh tài sản tài chính - Tái đầu tư vào quỹ công nghệ xanh - Áp dụng MSR sớm để tránh sốc giá khi mở rộng

Hàn Quốc (K-ETS) (2015)	- Cap-and-trade - Áp dụng với 6 nhóm ngành lớn, bao phủ gần 79% tổng lượng phát thải toàn quốc (2022)	Phân bổ miễn phí 100% giai đoạn đầu, sang đấu giá với tỷ lệ tăng dần (3% => 10%)	Chứng khoán	- Áp dụng giá trần/ giá sàn và quỹ dự trữ ổn định thị trường - Chế tài vi phạm: phạt 3 lần giá thị trường (tối đa ~90 USD/tấn)	- Chế tài tài chính nghiêm khắc - Giao dịch qua hạ tầng chứng khoán sẵn có
Trung Quốc (Thí điểm 2011, toàn quốc 2021)	- Giới hạn dựa trên cường độ phát thải (intensity-based cap) - Khởi đầu với ngành điện, sau mở rộng sang công nghiệp nặng	Phân bổ miễn phí 100% dựa trên cường độ phát thải và sản lượng	Quyền tài sản và quyền môi trường	- Hệ thống MRV phân cấp 3 cấp (Trung ương - Tỉnh - Thành phố)- Chế tài hành chính cao kết hợp xử lý dân sự	- Thí điểm diện hẹp trước khi nhân rộng- Áp dụng phân bổ miễn phí giai đoạn đầu để tránh gián đoạn kinh tế
Indonesia (2023)	- Cap-tax-and-trade, kết hợp giao dịch và thuế carbon với mức ~2 USD/tấn - Áp dụng cho nhiệt điện than	Phân bổ miễn phí năm đầu (100%), sau đó chuyển dần sang đấu giá (đến 15%)	Chứng khoán	Cơ chế kép: giao dịch hạn ngạch và bù trừ tín chỉ	- Cơ chế bù trừ tín chỉ linh hoạt - Kết hợp thuế carbon khi điều kiện pháp lý cho phép
Mỹ (California) (2012)	- Cap-and-trade cấp tiểu bang - Bao phủ 75% phát thải của bang- Liên kết thị trường với Quebec (Canada)	Đấu giá kết hợp cấp phát miễn phí có điều kiện cho ngành rủi ro rò rỉ carbon	Tài sản giao dịch quản lý trên sổ đăng ký bang/quốc gia	- Quỹ Dự trữ kiểm soát giá (APCR) - Tái đầu tư tiền đấu giá vào Quỹ GGFR	- Thiết lập quỹ dự trữ kiểm soát giá - Thúc đẩy liên kết thị trường xuyên biên giới
New Zealand (NZ ETS) (2008)	- Cap-and-trade - Tích hợp sâu lĩnh vực lâm nghiệp & sử dụng đất (LULUCF)	- Đấu giá kết hợp phân bổ miễn phí - Cấp đơn vị carbon (NZU) trực tiếp cho chủ rừng	Tài sản tài chính ghi nhận trên hệ thống lưu ký quốc gia	- Cơ chế Dự trữ kiểm soát chi phí (CCR) - Giá sàn đấu giá- Ngừng nhận tín chỉ quốc tế mới từ 2015	- Tích hợp lâm nghiệp (tín chỉ rừng) vào thị trường - Nguyên tắc người phát thải trả tiền, người hấp thụ thụ hưởng

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

2.2. Thực trạng phát triển thị trường carbon tại Việt Nam

2.2.1. Khung chính sách hiện hành

Hiện nay, khung chính sách về phát triển thị trường carbon có thể chia là 4 nhóm:

+ Nhóm 1 - Nhóm văn bản nền tảng pháp lý và cam kết quốc tế, gồm: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP.

+ Nhóm 2 - Nhóm văn bản về quản lý và đo lường dữ liệu đầu vào, gồm: Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg, Quyết định số 2626/2022/QĐ-BTNMT, Thông tư số 38/2023/TT-BTC và Nghị định số 119/2025/NĐ-CP.

+ Nhóm 3 - Nhóm văn bản về vận hành thị trường, gồm: Quyết định số 232/2025/QĐ-TTg, Quyết định số 263/2026/QĐ-TTg, Quyết định số 699/2026/QĐ-BNNMT, Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT và Thông tư số 48/2026/TT-BTC.

+ Nhóm 4 - Nhóm văn bản về mở rộng hàng hóa và cơ chế bổ sung: Nghị định số 180/2026/NĐ-CP

2.2.2. Thực trạng vận hành thị trường carbon thí điểm tại Việt Nam

Ngày 29/6/2026, sàn giao dịch carbon của Việt Nam đã chính thức đi vào vận hành thí điểm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn xây dựng chính sách sang giai đoạn triển khai thực tế bước đầu. Ngay trong phiên đầu tiên, sàn ghi nhận giao dịch sản phẩm hạn ngạch mã VN2025 với tổng giá trị 161,66 triệu đồng. Sàn thí điểm hiện tại áp dụng cho 110 cơ sở phát thải, tập trung vào 3 lĩnh vực thâm dụng năng lượng lớn là nhiệt điện, sản xuất sắt thép và xi măng. Tính đến tháng 8/2026, Hệ thống đăng ký quốc gia đã ghi nhận 92 tổ chức đăng ký tham gia thị trường. Tổng khối lượng hạn ngạch phát thải đăng ký đạt hơn 510 triệu tCO₂e, trong đó hơn 1.200 tCO₂e đã được giao dịch thành công (Nhóm PV Thời sự, 2026).

Hệ thống giao dịch carbon do HNX trực tiếp vận hành. Công tác đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán sau giao dịch do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) đảm nhiệm. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) được chỉ định là ngân hàng thanh toán. Đến nay, hệ thống VSDC ghi nhận có 8 công ty chứng khoán làm thành viên lưu ký, quản lý 20 tài khoản của tổ chức trong và ngoài nước với tổng số dư hạn ngạch lưu ký đạt 4.510 tCO₂e. Sàn giao dịch hiện không quy định biên độ dao động giá trần/giá sàn, sử dụng cơ chế giao dịch thỏa thuận với giá do bên mua và bên bán tự thống nhất. Kiểm soát thị trường được tổ chức qua 3 cấp là thành viên giao dịch, Sở Giao dịch Chứng khoán (HNX/VNX) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. (Nhóm PV Thời sự, 2026).

Trong giai đoạn thí điểm đến hết năm 2028, Việt Nam thực hiện phân bổ miễn phí hạn ngạch phát thải. Khi kết thúc kỳ tuân thủ, DN phải nộp trả hạn ngạch tương ứng lượng phát thải thực tế đã kiểm kê. Nếu vượt hạn ngạch, DN có thể mua thêm hạn ngạch từ đơn vị dư thừa hoặc sử dụng tín chỉ carbon để bù trừ, tuy nhiên không vượt quá 30% tổng hạn ngạch được phân bổ, tránh việc DN lạm dụng mua tín chỉ bên ngoài thay thế nghĩa vụ giảm phát thải tại cơ sở. DN cũng được phép vay mượn hạn ngạch, tối đa 15% của giai đoạn kế tiếp để nộp trả cho giai đoạn hiện tại (Chính phủ, 2025). Các DN và cơ sở thuộc diện phải kiểm kê KNK có trách nhiệm tự thực hiện báo cáo kiểm kê định kỳ, sau đó gửi cho tổ chức thẩm định độc lập để kiểm tra thẩm định và xác nhận số liệu trước khi gửi cơ quan quản lý nhà nước. Theo thống kê, Việt Nam hiện có khoảng 28 tổ chức trong nước và gần 30 tổ chức nước ngoài đủ điều kiện thẩm định theo các tiêu chuẩn ISO và quy trình đã được cấp phép. (Nhóm PV Thời sự, 2026).

Về nguồn cung tín chỉ, ngoài việc xem xét công nhận các tín chỉ carbon theo tiêu chuẩn độc lập như Verra hay Gold Standard, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Tiêu chuẩn quốc gia về tín chỉ carbon rừng và đưa vào cơ chế bù trừ từ ngày 15/7/2026. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp chuẩn hóa và gia tăng nguồn cung tín chỉ carbon cho thị trường trong nước, đồng thời phục vụ bù trừ hạn ngạch phát

thải. Việt Nam cũng đã đạt được những kết quả thực tế từ tài nguyên rừng khi thu về 56,5 triệu USD từ hoạt động chuyển nhượng tín chỉ carbon rừng tính đến tháng 7/2026. Nguồn ngân sách này đã được chi trả cho gần 80.000 người hưởng lợi trực tiếp tại Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Huế (Thủy Trương, Kiên Duy, 2026). Trước đó Việt Nam đã lần đầu bán thành công 10,3 triệu tín chỉ carbon rừng (tương đương 10,3 triệu tấn CO₂) qua Ngân hàng Thế giới với giá 5 USD/tấn, thu về 51,5 triệu USD vào năm 2023 (Phạm Tiến Đạt, 2025).

3.3. Các rào cản khi phát triển thị trường carbon tại Việt Nam

Thứ nhất, thiếu định danh pháp lý. Pháp luật Việt Nam hiện tại chưa xác định cụ thể hạn ngạch phát thải và tín chỉ carbon thuộc loại tài sản nào, trong khi đó các quốc gia như Hàn Quốc và Indonesia đã sớm luật hóa tín chỉ carbon là một loại chứng khoán. Việc thanh toán qua tài khoản chứng khoán hiện nay cũng mang tính “vay mượn hạ tầng” hơn là một khung pháp lý chuyên biệt, có thể gây khó khăn khi phát sinh tranh chấp. Đồng thời, việc thiếu định danh pháp lý khiến các ngân hàng thương mại chưa thể chấp nhận tín chỉ carbon như một tài sản đảm bảo thế chấp để cấp tín dụng xanh.

Thứ hai, năng lực kỹ thuật đo đạc - báo cáo - thẩm định (MRV) và chất lượng dữ liệu còn hạn chế. Mạng lưới tổ chức thẩm định được cấp phép tại Việt Nam còn mỏng, tuy có thể đáp ứng phạm vi thí điểm từ 110 đến 150 cơ sở hiện tại, nhưng sẽ quá tải nếu mở rộng. Đối với tín chỉ carbon rừng, rủi ro dữ liệu càng lớn hơn do việc đo đếm hấp thụ và lưu giữ carbon rừng khá phức tạp. Nếu không sớm thiết lập cơ chế kiểm soát chặt chẽ, tín chỉ carbon rừng được bán ra thị trường quốc tế có nguy cơ bị tính trùng (double counting) với tín chỉ dùng để bù trừ phát thải tại thị trường nội địa, làm suy giảm tính toàn vẹn môi trường của cả hai thị trường.

Thứ ba, quản lý dữ liệu phân tán và tính phức tạp trong phối hợp liên ngành. Hệ thống dữ liệu carbon đang có sự chia cắt khi Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý hệ thống đăng ký quốc gia và cấp hạn ngạch, Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng nắm giữ dữ liệu đo lường MRV và xác nhận kết quả giảm phát thải, Bộ Tài chính quản lý sàn giao dịch và thuế phí. Hiện vẫn chưa có cơ chế “một cửa” số hóa liên thông để tự động đối soát và xử lý sai lệch số liệu giữa các bên. Về mặt quản trị, mô hình vận hành đòi hỏi sự tham gia đồng thời của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, HNX, VSDC, cùng các bộ chuyên ngành ban hành hướng dẫn MRV riêng. Ngoài ra, cơ chế giám sát 3 cấp tuy bảo đảm an toàn thị trường nhưng cũng tạo độ trễ và rủi ro chồng chéo trách nhiệm nếu quy trình phối hợp giữa các cơ quan không được chuẩn hóa rõ ràng.

Thứ tư, mức độ sẵn sàng không đồng đều giữa các nhóm DN. Trong khi các tập đoàn lớn và DN FDI đã chủ động tiếp cận các chuẩn mực quản lý carbon quốc tế, nhiều DN nhỏ và vừa (DNNVV) lại đối mặt với các rào cản về năng lực kỹ thuật, dữ liệu phát thải và nguồn lực tài chính. Dù chưa thuộc danh mục tuân thủ bắt buộc trong giai đoạn thí điểm, DNNVV vẫn chịu sức ép “xanh hóa” từ khách hàng đầu chuỗi. Nếu không có chính sách hỗ trợ kỹ thuật và tài chính kịp thời, sự thiếu sẵn sàng này sẽ làm tăng gánh nặng tuân thủ và khiến DNNVV yếu thế khi đối mặt với rủi ro mất năng lực cạnh tranh trong chuỗi giá trị quốc tế.

Thứ năm, liên kết thị trường quốc tế và khu vực còn hạn chế. Nghị định số 112/2026/NĐ-CP đã tạo hành lang pháp lý cho việc trao đổi tín chỉ carbon quốc tế theo Điều 6 Thỏa thuận Paris; và một số cơ chế song phương như JCM với Nhật Bản, Singapore, Thụy Sĩ đã bắt đầu vận hành. Tuy nhiên, khi chuyển giao tín chỉ carbon ra nước ngoài, Việt Nam phải thực hiện điều chỉnh tương ứng (corresponding adjustment), cơ chế này đối với Việt Nam vẫn còn mới và chưa có nhiều kinh nghiệm thực tiễn. Đồng thời, phạm vi thị trường trong nước hiện chỉ có 3 ngành, hẹp hơn nhiều so với các thị trường trưởng thành khiến tín chỉ carbon trong nước vẫn khó tiếp cận trực tiếp thị trường quốc tế ngoài các dự án thí điểm song phương.

3.4. Một số đề xuất nhằm phát triển thị trường carbon Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý theo lộ trình tăng dần, mở rộng dần phạm vi các ngành áp dụng và tăng tỷ lệ đầu giá hạn ngạch theo thời gian để tránh sốc cho nền kinh tế. Đồng thời, ban hành luật hoặc pháp lệnh riêng xác lập rõ địa vị pháp lý của hạn ngạch và tín chỉ carbon như một loại tài sản đặc thù để xử lý các vấn đề sở hữu, thế chấp, thừa kế, phá sản. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế dự trữ và điều tiết hạn ngạch ngay trong giai đoạn thí điểm để tăng cường sự ổn định cho thị trường.

Thứ hai, nâng cao năng lực hệ thống MRV đạt chuẩn quốc tế để tăng độ tin cậy của dữ liệu. Đẩy nhanh triển khai hệ thống báo cáo kiểm kê KNK trực tuyến quốc gia thay thế báo cáo thủ công để đảm bảo độ tin cậy và khả năng đối chiếu chéo dữ liệu theo thời gian thực. Mở rộng mạng lưới tổ chức thẩm định được cấp phép trong nước, ưu tiên đào tạo nhân lực thẩm định chuyên ngành năng lượng, xi măng, thép và lâm nghiệp; hợp tác với các tổ chức quốc tế để chuyển giao quy trình chuẩn. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế đăng ký thống nhất để chống trùng giữa tín chỉ carbon rừng bán ra thị trường quốc tế và tín chỉ dùng để bù trừ tại thị trường nội địa.

Thứ ba, thành lập Ban điều phối liên ngành với quy chế phối hợp rõ trách nhiệm từng bên. Xây dựng cơ chế liên thông số hóa dữ liệu giữa Hệ thống đăng ký quốc gia và sàn giao dịch carbon, đồng thời áp dụng hệ thống giám sát dựa trên dữ liệu liên thông giữa các cấp giám sát nhằm giảm thời gian xử lý và độ trễ thông tin khi chuyển qua các cấp.

Thứ tư, Nhà nước cần chủ động tổ chức các chương trình đào tạo, chia sẻ thông tin và hỗ trợ các DN, đặc biệt là DNVVN để DN có thể tiếp cận tiếp cận tài chính xanh, công nghệ và xây dựng năng lực MRV nội bộ. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu xây dựng cơ chế tái phân bổ doanh thu carbon và trợ cấp mục tiêu cho các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

Thứ năm, cần nhanh chóng ban hành các thông tư hướng dẫn chi tiết Nghị định 112/2026/NĐ-CP để vận hành thực chất các phương án liên thông theo Điều 6 Thỏa thuận Paris. Đồng thời, chuẩn hóa hệ thống MRV và số hóa Hệ thống đăng ký quốc gia theo chuẩn quốc tế để tín chỉ, hạn ngạch Việt Nam được công nhận và giao dịch liên thông với thị trường carbon khu vực và quốc tế, nhằm tăng thanh khoản và thu hút dòng vốn xanh từ nước ngoài trước khi bước sang giai đoạn vận hành chính thức từ năm 2029.

4. Kết luận

Phát triển thị trường carbon là giải pháp chiến lược giúp Việt Nam hiện thực hóa cam kết Net Zero 2050 và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thương mại quốc tế. Việc đưa Sàn giao dịch carbon trong nước vào vận hành thí điểm đã đánh dấu một bước chuyển mình quan trọng. Tuy nhiên, để chuyển sang giai đoạn vận hành chính thức thành công từ năm 2029, Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều rào cản về thể chế và kỹ thuật. Việc chủ động tiếp thu bài học kinh nghiệm quốc tế và triển khai lộ trình thận trọng sẽ là chìa khóa để Việt Nam xây dựng một thị trường carbon bền vững, đóng góp thiết thực vào mục tiêu phát triển xanh quốc gia ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Công Thương. (2023). Thông tư số 38/2023/TT-BCT ngày 27/12/2023 V/v quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính ngành Công Thương.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (2026). Quyết định số 699/QĐ-BNNMT ngày 27/02/2026 V/v thí điểm phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho năm 2025 và năm 2026.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường. (2026). Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT ngày 13/02/2026 V/v quy định quản lý, vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon

Bộ Tài chính. (2026). Thông tư số 48/2026/TT-BTC ngày 12/05/2026 V/v hướng dẫn giám sát giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon trong nước và chế độ báo cáo của sở giao dịch chứng khoán, tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với ủy ban chứng khoán nhà nước về hoạt động sàn giao dịch các-bon trong nước

Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2022). Quyết định số 2626/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2022 V/v Công bố danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính.

Chính phủ (2022). Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Chính phủ (2025). Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/06/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Chính phủ (2026). Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 về Sàn giao dịch các-bon trong nước.

Chính phủ (2026). Nghị định số 83/2026/NĐ-CP ngày 23/03/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

Chính phủ (2026). Nghị định số 180/2026/NĐ-CP ngày 21/05/2026 quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

Chính phủ (2026). Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 01/04/2026 trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

Đỗ Hương (2026). Xây dựng thị trường Carbon: Lộ trình chiến lược và cơ hội bứt phá cho doanh nghiệp. Báo Chính phủ điện tử, <https://baochinhphu.vn/xay-dung-thi-truong-carbon-lo-trinh-chien-luoc-va-co-hoi-but-pha-cho-doanh-nghiep-102260527141918642.htm>

Nhóm PV thời sự (2026). Diễn đàn Carbon Việt Nam 2026: Từ chính sách đến hành động. Báo Nông nghiệp và Môi trường. <https://nongnghiepmoitruong.vn/khai-mac-dien-dan-carbon-viet-nam-2026-tu-chinh-sach-den-hanh-dong-d826065.html>

Phạm Tiến Đạt (2024). Kinh nghiệm quốc tế phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing, 15(9), 1-14.

Quốc hội (2020). Luật số 72/2020/QH14: Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 17/11/2020.

Thủ tướng Chính phủ (2024). Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/08/2024 ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật).

Thủ tướng Chính phủ (2025). Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 phê duyệt Đề án Thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ (2026). Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính thí điểm cho năm 2025 - 2026.

Thùy Trương, Kiên Duy (2026). Việt Nam thu 56,5 triệu USD từ bán tín chỉ carbon cho World Bank. Báo điện tử VnExpress, <https://vnexpress.net/viet-nam-thu-56-5-trieu-usd-tu-ban-tin-chi-carbon-cho-world-bank-5092593.html>